

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH GIÁO KHOA PHỔ THÔNG

I. Thực trạng về chương trình sách giáo khoa phổ thông:

Sách giáo khoa được coi là hành lý thiết yếu đối với mỗi học sinh. Thực trạng hiện nay cho thấy không chỉ học sinh Tiểu học mà học sinh phổ thông nói chung đang mang theo những hành lý quá sức đối với các em. Nếu như tất cả những gì mà học sinh của chúng ta đều được áp dụng thì học sinh Việt Nam sẽ là những thiên tài. Nhưng điều đáng tiếc là chúng ta dạy cho học sinh khá nhiều và học sinh cũng tiếp thu kiến thức thầy cô dạy tương đối tốt mà chất lượng giáo dục của chúng ta gần như không được thế giới công nhận, bằng cấp của chúng ta không có ý nghĩa với thế giới.

Hành lý học sinh Việt Nam mang theo thì rất nhiều, nhưng phần đa trong số đó là không thể dùng đến và cái các em cần thì lại không được trang bị. Nội dung sách giáo khoa trọng lý thuyết và ít thực hành làm cho học sinh thụ động. Hơn nữa với những nội dung quá nhiều học sinh thường học theo kiểu học “vẹt” để có thể học hết được chương trình đó. Chương trình học của học sinh Tiểu học và học sinh phổ thông hiện nay đều đang được xây dựng theo một quy trình ngược do đó dường như chúng ta cứ loay hoay càng làm càng sai và càng sửa càng rối mãi chưa giải được bài toán quá tải về chương trình mà chất lượng giáo dục thì kém. Học sinh cứ như những chú chuột bạch và cố gắng tham gia vào cuộc chạy đua với những hành trang công kênh mà không hữu dụng. Chúng ta quá tham lam trao cho các em quá nhiều vật dụng nhưng lại quên trao cho các em hướng dẫn sử dụng để trẻ cứ mò mẫm với đồng đồ mà không thể sử dụng được vào việc gì.

Mỗi lần cải cách giáo dục phổ thông là có một lần thay đổi sách giáo khoa. Cho đến nay chúng ta đã thực hiện 3 lần cải cách giáo dục và một lần đổi mới chương trình và sách giáo khoa. Lần thứ nhất là trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta phải xây dựng một nền giáo dục phù hợp với chế độ mới. Năm 1950 chúng ta đã tiến hành cải cách giáo dục và lúc ấy xuất hiện những quyển sách giáo khoa đầu tiên. Sách viết rất mộc mạc và in trên giấy bản xấu, nhưng nó là cơ sở để đào tạo rất nhiều nhân tài cho đất nước ta sau này. Lần thứ 2 là năm

1956 sau khi giải phóng miền Bắc, chúng ta tiến hành cải cách giáo dục để thống nhất lại nền giáo dục trong kháng chiến với nền giáo dục trong vùng địch tạm chiếm. Chúng ta xây dựng nền giáo dục phổ thông 10 năm, thay vì 9 năm như thời kháng chiến. Sau giải phóng miền Nam, năm 1979 chúng ta lại tiến hành một cuộc cải cách giáo dục mới, thống nhất lại nền giáo dục chung cho cả đất nước, nước ta lại thực hiện hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm. Lần thứ tư là năm 2002, chỉ thay đổi chương trình và sách giáo khoa thông thường chứ không phải cải cách giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Quốc hội và thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa nhằm đáp ứng yêu cầu khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh xây dựng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Bên cạnh 4 lần thay sách giáo khoa lớn, còn một số lần thay đổi nhỏ, như khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã thì chúng ta phải thay đổi sách giáo khoa các môn khoa học - xã hội để phù hợp hơn với thực tế lịch sử.

So với tất cả những lần trước đây, thì lần đổi mới sách giáo khoa năm 2002 là bài bản nhất. Vì những lần trước đây là không hề có quyết định của Quốc hội, Chính phủ, cũng không có bất kỳ chương trình nào được đóng dấu thông qua. Có thể nói là chúng ta vừa viết sách vừa hình thành chương trình giáo dục. Năm 2002 chúng ta xây dựng chương trình trước, biên soạn trong tài liệu dạy thử nghiệm 4 năm mới hoàn thành chương trình, rồi mới làm sách giáo khoa chính thức. Chúng ta cũng có điều kiện tiếp thu được nhiều kinh nghiệm biên soạn sách giáo khoa của nước ngoài. Bộ sách giáo khoa được xây dựng rất công phu, nếu tính cả người viết sách, người thẩm định của cả 3 cấp thì phải đến 500 nhà khoa học tham gia biên soạn, thẩm định sách giáo khoa.

Hiện nay, chúng ta xây dựng chương trình học còn thiếu nhiều kiến thức, kể cả thiếu một số môn cốt lõi về khoa học tư duy, về kỹ năng sống, khả năng sáng tạo. Ngoài ra, sách giáo khoa hiện tại định vị không đúng vai trò của các môn học trong cấu trúc kiến thức. Chẳng hạn như môn ngoại ngữ được gọi là môn tự chọn, và từ lớp 3 trở lên mới dạy, trong khi ngoại ngữ hiện nay rất quan trọng. Kiến thức bị phân khúc, tách rời, ngắt quãng, những kiến thức sử dụng lối dạy đồng tâm xuyên suốt các lớp là phương pháp có tính sư phạm cao nhưng bộ sách giáo khoa ấy phải do một tổng chủ biên, quán xuyên từ đầu đến cuối, qua các lớp. Sách giáo khoa hiện nay còn thiếu tính xuyên môn trong cấu trúc

chương trình, thiếu liên thông về kiến thức và việc lựa chọn khối lượng và tính chất các đơn vị kiến thức đưa vào chương trình nhiều khi chưa có tính sư phạm, nhiều khi quá tải, sai thực tế...

Hệ thống một chương trình, một bộ sách giáo khoa như hiện nay không tránh khỏi những bất cập trong thực tế, nhất là chưa thể đáp ứng đúng nhu cầu học tập của từng đối tượng học sinh ở các vùng miền khác nhau. Vì cùng sử dụng một bộ sách giáo khoa nên hiện tại xảy ra tình trạng học sinh miền núi không theo kịp chương trình, còn học sinh ở miền xuôi thì nhẹ, phải tự nâng cao bằng các nguồn tài liệu khác.

Sau nhiều năm thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa hiện hành, tổng hợp thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy việc thực hiện chương trình mới ở các vùng khó khăn như Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng... vẫn tiếp tục khó khăn. Kết quả đánh giá học sinh lớp 3 sau 5 năm thay sách giáo khoa thấy rõ có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng, miền. Chẳng hạn, tỷ lệ học sinh giỏi môn tiếng Việt ở Đà Nẵng là 63,43%, Hải Phòng 60,57%, Thành phố Hồ Chí Minh 59,25%, trong khi đó ở các vùng khó khăn, dân tộc chỉ đạt 6,5%, 7,15%, 8,66%... Hoặc tỷ lệ học sinh giỏi toán ở Đà Nẵng là 57,58%, Hải Phòng 61,03%, Thành phố Hồ Chí Minh 64,94%; ở các tỉnh khó khăn chỉ đạt 7,64%, 9,9%, 11,2%...

Rõ ràng, đối tượng đầu tiên chịu thiệt thòi chính là học sinh các vùng điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Các em khó đáp ứng được đầy đủ mục tiêu mà sách đặt ra, vì thế chất lượng giáo dục các vùng này sẽ càng bị kéo thấp xuống và mục tiêu miền núi tiến kịp miền xuôi mãi mãi sẽ chỉ là lý thuyết suông. Còn ở khu vực thành thị, cho rằng cùng học chung một bộ sách giáo khoa với vùng sâu, vùng xa thì quá nhẹ nên hầu hết các trường đều tự ý đưa thêm kiến thức nâng cao vào dạy cho học sinh. Đáng nói là những tài liệu nâng cao này không hề được cơ quan chuyên môn nào thẩm định, phê duyệt, cũng không căn cứ vào chương trình chuẩn nên dẫn tới việc quá tải cho học sinh và phản khoa học trong quá trình tích lũy kiến thức. Chính vì thế mà có tình trạng học sinh ở thành thị từ lớp 1 đến lớp 12 phải đánh vật với bài tập về nhà và lịch học thêm dày đặc.

Thực trạng trên khiến từ phụ huynh đến những nhà nghiên cứu giáo dục độc lập thực sự sốt ruột và tự tìm cách thoát khỏi sự bức bối này. Không thể chờ đến sau năm 2015 mà cụ thể là năm 2017 mới có một chương trình, sách giáo khoa mới, nhiều nhóm nghiên cứu giáo dục đã tìm cách viết những bộ sách phù hợp với nhu cầu của học sinh, còn phụ huynh thì lo âu tìm những ngôi trường có phương pháp giáo dục phù hợp với con em. Sự ra mắt bộ sách của nhóm Cánh Buồm, việc phụ huynh xô đổ cổng trường thực nghiệm để con mình được học theo một bộ sách, một phương pháp khác với chương trình, sách giáo khoa hiện hành đã phần nào cho thấy sự đòi hỏi của thực tiễn về quyền được lựa chọn của người dân về cơ hội học tập. Có thể trong số những người xô đổ cánh cổng trường ấy, có người chỉ nghe đồn về những cái tốt, cái hay, cái ưu việt của trường thực nghiệm. Nhưng cái người dân mắt thấy, tai nghe là nền giáo dục hiện hành đã khiến họ mất đi niềm tin khi phải chứng kiến con cái mình còng lưng cõng những cặp sách nặng hơn trọng lượng cơ thể đến trường, rồi học thêm, rồi o ép chuyện này chuyện khác. Cũng cần phải nói thêm rằng, đến năm 2001, công nghệ giáo dục đã mở ra ở 43 tỉnh, thành phố và được những địa phương này hào hứng đón nhận. Thế nhưng sau đó, công nghệ giáo dục phải dừng lại vì luật Giáo dục quy định một chương trình, một bộ sách giáo khoa. Mặc dù vậy, công nghệ giáo dục vẫn có chỗ đứng. Trước nhu cầu của thực tế, tính đến thời điểm hiện tại Bộ đã cho phép gần 20 tỉnh thành tự nguyện áp dụng công nghệ giáo dục vào dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

Hiện nay các nhà chuyên môn và dư luận xã hội đang bàn đến vấn đề đổi mới sách giáo khoa, gắn với đổi mới chương trình, vốn được kì vọng như là khâu đột phá cho đổi mới giáo dục toàn diện và triệt để. Tuy nhiên, làm thế nào để khâu đột phá này có thể phát huy hết vai trò của nó thì còn là câu hỏi nhiều thách thức. Đổi mới chương trình và sách giáo khoa không chỉ liên quan đến những khía cạnh như hình thức kiểm tra đánh giá, phương pháp dạy học... mà chủ yếu liên quan đến quan niệm, tư tưởng giáo dục, dựa trên cơ sở thực tiễn, thực trạng giáo dục.

Nói cách khác, nó nằm trong tiến trình đổi mới giáo dục tổng thể: đề ra quan niệm giáo dục, nghiên cứu thực trạng giáo dục, xây dựng một kế hoạch tổng thể cho việc thay đổi thực trạng ấy. Trên cơ sở xác định từng chặng của kế

hoạch, đề ra mục đích, hình thức, cách thức cho đổi mới chương trình và sách giáo khoa. Như vậy, mục tiêu cho đổi mới chương trình và sách giáo khoa tuy chỉ là một khâu trong tiến trình tổng thể, nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với các khâu khác, và đòi hỏi phải từng bước thực hiện, trên cơ sở kết quả từng chặng của tiến trình.

Đổi mới chương trình và sách giáo khoa hiện nay trên cơ sở định hướng dạy học phát huy năng lực học sinh, và thực hiện ngay năm 2015, cho thấy có những bất cập nhất định.

- Cần phải làm rõ quan niệm giáo dục tổng thể làm cơ sở cho định hướng dạy học phát huy năng lực. Trong đó, phát huy năng lực có vị trí như thế nào trong mục đích giáo dục con người. Vì không có nghĩa là để đối lập với thực trạng giáo dục thiên về hàn lâm, lý thuyết, trừu tượng, mà chọn định hướng giáo dục theo năng lực như là một động lực đổi lập, thực hiện việc cải cách, để kỳ vọng có thể thay đổi toàn diện và triệt để giáo dục. Trong khi thực trạng giáo dục hiện nay là hệ quả của nhiều vấn đề, trong đó có sự lạc hậu về khoa học bộ môn, trong đó có khoa học giáo dục, sự trì trệ về quản lý, và thực trạng đào tạo giáo viên. Tuy vậy, điều này không có nghĩa là không nên hay không thể tạo ra một sự đổi mới có tính đột phá, mà có nghĩa là sự đổi mới có tính đột phá ấy, nếu có thể, phải được giải quyết tuần tự, trong đó đổi mới chương trình và sách giáo khoa là khâu có tính chất thực tiễn cuối cùng, khâu mang tính chất kỹ thuật của toàn bộ đổi mới giáo dục.

- Một việc đổi mới như vậy cần một sự chuẩn bị, một tiến trình thực hiện tuần tự. Nếu không nó dễ rơi vào cải cách hình thức và bề mặt, vì chẳng hạn, sẽ không có đủ lực lượng giáo viên có thể thay đổi được quan niệm và phương pháp dạy học cũ, để có thể dạy học theo tinh thần của chương trình và sách giáo khoa mới. Bởi vì một sự thay đổi được kỳ vọng có tính đột phá như vậy, không thể trông cậy vào những chương trình bồi dưỡng giáo viên ngắn hạn, mà thực tế đã cho thấy là không đạt được hiệu quả, vốn dĩ không phải vì sự tuyên truyền không được sâu rộng, mà chủ yếu vì không thể xóa bỏ được những thói quen, những ràng buộc của thực tiễn trường lớp tác động đến giáo viên.

- Quan trọng nhất, việc đổi mới như vậy phải trên cơ sở nghiên cứu thực trạng của giáo dục hiện hành. Thực trạng này vốn đã được các nhà giáo và dư luận xã hội quan tâm, cho nhiều ý kiến, nhưng còn cần có sự phân tích thấu đáo một cách khoa học. Chẳng hạn, cơ sở vật chất và cơ chế quản lý hiện nay có thể đáp ứng ở mức độ nào cho định hướng dạy học theo năng lực của chương trình và sách giáo khoa; Các văn bản và quy chế cho quản lý giáo dục đạt đến hiệu lực như thế nào trong việc cải cách thực trạng ấy.

Một sự đánh giá đúng mức và khoa học khả năng thay đổi những nhân tố có tác động đến tiến trình đổi mới sẽ đóng vai trò quyết định đối với hiệu quả của sự đổi mới. Chẳng hạn, cơ chế quản lý chuyên môn ở trường phổ thông, một khâu trong quản lý giáo dục, nhưng đóng vai trò quyết định đến đổi mới giáo dục, hiện nay có những tồn tại gì, cần phải có những thay đổi gì, và có thể thay đổi được điều gì. Việc đổi mới giáo dục không chỉ là sự thay đổi hình thức, nội dung và phương pháp dạy học môn học cũng như cấu trúc các môn học, nó là một tiến trình tổng thể, đòi hỏi không chỉ điều kiện kinh tế, sự phát triển của khoa học, sự cải cách trong quản lý, mà còn một sự thay đổi ngay trong tư duy đề ra và thực hiện sự đổi mới.

Đề án đổi mới xác định tinh thần kế thừa chương trình, sách giáo khoa hiện hành. Nhưng phương án nêu ra trên thực tế là xóa đi, làm lại từ đầu. Theo nhiều ý kiến, cách làm này không phù hợp với việc giải quyết các vấn đề xã hội. E rằng nó khó có thể đem lại kết quả mong muốn, nhất là khi được thực hiện trong một thời gian rất gấp mà không qua dạy thử nghiệm. Bộ sách giáo khoa hiện hành được dạy thử nghiệm 4 năm ở hàng trăm trường, với sự tham gia của hàng trăm nghìn giáo viên và học sinh mà khi triển khai còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nếu lần này, đề án đổi mới chỉ chủ trương dạy thử nghiệm những nội dung mới và giao việc này cho các tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa tự thực hiện, tự đánh giá thì khó có thể yên tâm về chất lượng và tính khả thi của những bộ sách giáo khoa đó.

Chúng ta đã dừng quá lâu ở một nền giáo dục chú trọng trang bị kiến thức chuyên môn. Các chương trình đào tạo từ phổ thông đến đại học, sau đại học đều dày đặc các kiến thức cụ thể. Với lượng tri thức mới được sản sinh ngày

càng nhiều và liên tục được cập nhật vào chương trình thì tình trạng quá tải là không thể khắc phục, nếu không nói là sẽ ngày càng trầm trọng hơn. Việc nhớ những kiến thức ấy đã khó, vận dụng nó vào cuộc sống lại còn khó hơn. Tri thức cụ thể dù cho mới đến đâu vẫn là cái đã biết nên luôn lạc hậu so với thực tiễn. Để phục vụ mục tiêu giáo dục trang bị kiến thức chuyên môn, hệ thống phân loại môn chính, môn phụ cũng được tiến hành một cách giản đơn như như một điều hiển nhiên trong khi đó phương châm của Đảng là giáo dục toàn diện. Đặc biệt nghiêm trọng là hệ thống thi cử, đánh giá. Coi việc nhớ kiến thức chuyên môn là quan trọng nhất nên việc thi cử tuyển đầu vào, kiểm tra trong quá trình học tập và đánh giá đầu ra đều lấy việc hỏi kiến thức cụ thể làm mục tiêu chủ yếu. Phương thức thi cử nhằm đánh giá kiến thức chuyên môn sinh ra hệ lụy nan giải và những căn bệnh trầm kha khó lòng cứu chữa, đó là học vẹt, học tủ và quay cóp.

Phải mất quá nhiều thời gian và công sức để cung cấp và tích lũy kiến thức cụ thể nên từ chương trình, người dạy, người học đều không còn đủ thời gian và sự quan tâm đúng mức cho việc trau dồi phương pháp, kỹ năng, học để hiểu biết về cuộc sống, về thế giới, nuôi dưỡng tâm hồn và đạo đức, lối sống... Nói tóm lại là học cách tự học và học làm người. Điều đáng lo ngại là xu thế vị bằng cấp đang trở nên ngày càng phổ biến trong cộng đồng những người đi học. Đi học chỉ cốt để lấy bằng và tệ hơn là nếu học ít, thậm chí không học mà vẫn có bằng thì càng tốt.

Một hạn chế lớn của giáo dục và đào tạo nước ta là việc dạy và học không gắn chặt với thực tiễn, nhất là các trường đại học. Đa phần các chương trình đào tạo hiện nay là những gì nhà trường và các thầy cô đem áp đặt cho người học, chứ chưa phải là những cái xã hội cần. Có một nguyên nhân quan trọng là ở nước ta trong một thời gian dài, cung và cầu của giáo dục đại học mất cân đối nghiêm trọng. Việt Nam là nước có truyền thống hiếu học và trọng học nên số người có nguyện vọng đi học thì đông mà số môi trường học tập tốt lại rất thiếu nên các cơ sở đào tạo không có nhiều động lực để đổi mới. Chương trình cũ, phương pháp dạy không thay đổi, chất lượng đào tạo không nâng cao cũng vẫn có rất đông người tranh nhau vào học. Những tiêu chí đánh giá về chất lượng

giáo dục quốc tế dường như ảnh hưởng không nhiều lắm đến các trường học ở nước ta.

II. Một số góp ý đổi mới chương trình sách giáo khoa phổ thông:

Việc có nhiều tổ chức, cá nhân soạn sách giáo khoa sẽ huy động được nguồn trí tuệ và tài chính của xã hội, đồng thời tạo ra một cuộc thi đua để không ngừng nâng cao chất lượng sách giáo khoa. Như vậy là có lợi cho người học, người dạy, đồng thời cũng san sẻ gánh nặng cho Nhà nước nếu như Nhà nước tiếp tục đầu tư ngân sách tổ chức biên soạn, xuất bản một bộ sách giáo khoa quốc doanh. Tuy nhiên, Bộ Giáo dục và Đào tạo không nên trực tiếp đứng ra biên soạn sách giáo khoa. Bộ là cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, soạn các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, chứ không làm thay các nhà chuyên môn, nhà xuất bản và các trường. Cơ quan chuyên môn của Bộ đã bận tổ chức thi cử, làm dự án, nếu kiêm cả việc biên soạn sách giáo khoa nữa thì sẽ không còn thời gian để thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là đơn vị thuộc quyền quản lý của mình, tốt nhất là giao việc biên soạn, xuất bản sách giáo khoa cho đơn vị đó. Như vậy vừa phù hợp với chức năng, vừa tạo điều kiện để họ thực hiện công việc này bình đẳng với các tổ chức, cá nhân, các nhà xuất bản khác. Nhà xuất bản Giáo dục hay các Nhà xuất bản khác muốn làm sách giáo khoa thì tự bỏ tiền ra làm, nếu thiếu kinh phí có thể vay vốn Nhà nước rồi hoàn lại bằng tiền bán sách. Còn nếu Bộ đứng ra làm thì tất nhiên ngân sách nhà nước phải cấp, chắc chắn sẽ không có hiệu quả bằng việc các Nhà xuất bản bỏ tiền túi ra làm. Nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo làm ra một bộ sách mà các trường lại không chọn dùng thì chẳng khác nào bao nhiêu tỷ đồng Nhà nước cấp cho Bộ lại bị bỏ phí. Ngoài ra, Nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo đứng ra biên soạn sách mà nhiều cơ sở không dùng sẽ gây mất uy tín cho Bộ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo làm sách giáo khoa, đồng thời nắm quyền chỉ đạo hội đồng thẩm định, thực hiện chương trình, quyền ra đề và tổ chức thi tốt nghiệp thì theo lẽ thường chắc chắn các trường sẽ chấm bộ sách giáo khoa đó.

Như vậy, cạnh tranh sẽ không công bằng và đáng ngại hơn cả sự không công bằng là những bộ sách giáo khoa hoặc quyển sách giáo khoa đưa vào trường chưa chắc đã là tốt nhất.

Ở hầu hết các nước, giáo viên không dạy hẳn theo một bộ sách giáo khoa nào mà căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, họ chọn bài phù hợp nhất trong những cuốn sách giáo khoa đã có để dạy. Bài thì chọn ở sách này, bài chọn ở sách khác, thậm chí có khi họ photo một trang sách nào đó đem dạy cho học sinh. Nếu thực hiện theo cách này mới phát huy được ưu điểm của phương án một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa. Còn mỗi trường hay mỗi tỉnh dùng một bộ sách giáo khoa thống nhất thì thực chất vẫn là một chương trình, một bộ sách giáo khoa. Tuy nhiên, muốn làm được như vậy phải có chương trình chi tiết, giáo viên có quyền tự quyết cao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời nhà trường phải có tiền mua sách để trong thư viện hoặc trong lớp cho học sinh sử dụng.

Theo đề án đổi mới, việc lựa chọn sách giáo khoa được giao cho từng trường. Đó là phương án hợp lý trong hoàn cảnh hiện nay. Nhưng nếu nhà trường không dựa vào sự bàn bạc, thống nhất của tập thể giáo viên từng môn học mà tập trung quyền quyết định vào một người thì khó tránh khỏi những quyết định chủ quan; thậm chí khó tránh khỏi những quyết định dựa trên mức độ tiếp thị hậu hĩnh của nhà xuất bản.

Chiến lược giáo dục 2011 - 2020 đã được phê duyệt, trong đó việc đổi mới chương trình cũng như sách giáo khoa bắt đầu từ 2015 đã được đặt ra với những mục tiêu đã gần hơn với thực tế. Nhưng hình như những mục tiêu đó nó vẫn khá còn chung chung và gây băn khoăn cho dư luận. Mục tiêu giáo dục là đào tạo nhân lực phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nhưng trong lịch sử giáo dục không phải lúc nào người ta cũng xác định mục tiêu như thế. Có hai trường phái, thứ nhất cho rằng giáo dục có nhiệm vụ đào tạo nhân lực phục vụ xã hội. Còn trường phái thứ hai cho rằng, giáo dục có nhiệm vụ rất thiêng liêng đó là hoàn thiện nhân cách, phát triển năng lực của mỗi cá nhân. Trên cơ sở đó, những cá nhân sẽ có những năng lực hết sức đa dạng và hợp lại thành xã hội. Vì vậy cần phải xác định kỹ mục tiêu giáo dục, mục tiêu khác nhau nó sẽ dẫn đến

nội dung chương trình khác nhau và cách dạy khác nhau. Ở các trường nước ngoài, học sinh học chương trình khá nặng nhưng không phải học sinh lên lớp, nghe thầy cô giảng giải và thuộc lòng những kiến thức đó để thi. Với chương trình ấy, học sinh tự bơi... Như chương trình sách giáo khoa ở Mỹ, học sinh lớp 4 đã phải giải quyết những vấn đề như là "Nếu bạn là Tổng thống Mỹ Truman, bạn có quyết định ném bom nguyên tử xuống nước Nhật không? Có nhất thiết phải kết thúc chiến tranh bằng cách ấy không? Để tránh chiến tranh hiện nay nhân loại phải làm gì?...". Các em tự tìm sách trong thư viện, truy cập thông tin trên mạng, tìm hiểu và viết thành những bài thuyết trình và tranh luận. Cách học ấy khiến cho học sinh năng động, sáng tạo, dám nghĩ những vấn đề lớn.

Về kỹ thuật xây dựng chương trình giáo dục, phải thể hiện tính năng lực nhiều hơn, khác với cách tiếp cận chương trình nội dung, kê ra những kiến thức để học sinh nhồi nhét. Đó là chương trình giúp hình thành những năng lực sau khi học sinh học xong. Nhưng cần nhớ, năng lực không viết sẵn như kiến thức ở các môn khoa học.

Về cách tổ chức công việc, còn một nhược điểm rất lớn là thiếu sự chia sẻ thông tin với xã hội. Ngành giáo dục chỉ lặng lẽ thực, chính vì thế khi bộ sách mới ra đời có một vài chi tiết bị phản ứng, tự nhiên lại thành một dư luận xã hội rất không thuận. Ngành giáo dục cần chia sẻ nhiều thông tin hơn nữa với xã hội và tạo điều kiện nhiều hơn nữa để xã hội tham gia vào công việc xây dựng sách giáo khoa.

Nhiều sách giáo khoa cho một môn học là cần thiết và đã đến lúc xã hội hóa xuất bản sách giáo khoa với điều kiện nhất định. Nhiều cuộc thảo luận cũng như góp ý của xã hội có 2 luồng ý kiến về vấn đề này. Thứ nhất là giao hết tổ chức cá nhân biên soạn sách giáo khoa, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đứng ra thẩm định. Thứ hai là cùng với các tổ chức cá nhân biên soạn thì Bộ Giáo dục vẫn phải biên soạn một bộ sách.

Trong sổ sách giáo khoa các tổ chức cá nhân biên soạn, chúng ta vẫn phải giao cho Bộ Giáo dục chủ động biên soạn một bộ sách giáo khoa. Vì nếu giao hoàn toàn cho tổ chức cá nhân, Bộ Giáo dục không làm thì đến lúc chúng ta cần nhưng chưa có sách giáo khoa thì không thể triển khai đổi mới. Chúng ta phải

chủ động, nếu không chủ động thì đến lúc cần sách giáo khoa, người ta đưa cho mình bộ nào phải dùng bộ đó, như thế là bị động, là không kiểm soát được chất lượng. Đó là chưa kể còn một số lý do khác, chẳng hạn chúng ta phải tiến hành dạy thử nghiệm sách giáo khoa trên quy mô nhỏ xem có thành công không.

Xã hội hóa sách giáo khoa là định hướng rất tốt, nhưng đó là vấn đề quá mới. Vì vậy, phải có bước đi thận trọng, vững chắc. Nếu không thận trọng, xảy ra rủi ro thì sẽ ảnh hưởng đến hàng chục triệu học sinh. Chúng ta phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho việc học tập của các em. Đổi mới nhưng không thể lấy học sinh ra làm thí nghiệm. Xã hội hóa luôn là con dao 2 lưỡi. Xã hội vẫn cho rằng ngành giáo dục hay lấy học sinh ra làm thí nghiệm cho những đổi mới của mình, nếu xã hội hóa hoàn toàn việc viết sách giáo khoa và Bộ Giáo dục đứng ngoài cuộc việc tổ chức biên soạn thì việc lấy học sinh ra làm thí nghiệm thực sự nguy hiểm. Chúng ta cũng cần phải hiểu rõ, từ trước đến nay, kể cả khi chỉ có một bộ sách giáo khoa thì Bộ Giáo dục cũng chưa bao giờ trực tiếp đứng ra làm sách giáo khoa, bộ chỉ tổ chức, tập hợp đội ngũ để biên soạn.

Để bảo đảm tính công bằng cần phải có những giải pháp cụ thể như quy trình thẩm định phải khách quan, minh bạch; hội đồng thẩm định sách giáo khoa hoạt động độc lập, khách quan để bảo đảm tất cả bộ sách giáo khoa đều được Hội đồng thẩm định một cách bình đẳng. Ngoài ra, việc lựa chọn sách giáo khoa nào để giảng dạy là do nhà trường quyết định nhưng phải theo quy định. Nhà trường lựa chọn nhưng phải lấy ý kiến công khai của phụ huynh, học sinh, giáo viên để bảo đảm lựa chọn được bộ sách phù hợp nhất với trường đó.

Cơ chế tài chính trong biên soạn, sử dụng sách giáo khoa cũng phải công bằng. Các nhóm làm sách giáo khoa phải được hỗ trợ kinh phí như nhau không phân biệt Bộ Giáo dục hay các tổ chức, cá nhân; kinh phí hỗ trợ học sinh mua sách giáo khoa cũng được chi như nhau đối với các bộ sách giáo khoa. Như vậy là sẽ bảo đảm được công bằng giữa các bộ sách giáo khoa, sách nào hay thì sẽ được lựa chọn. Tất cả những vấn đề này Nghị quyết của Quốc hội sẽ yêu cầu Chính phủ phải thực hiện. Trên cơ sở Nghị quyết, Chính phủ sẽ hoàn thiện và ban hành đề án để triển khai, có sự giám sát của Quốc hội, xã hội.

Về tác động của chương trình, sách giáo khoa mới, có một số lưu ý là tinh thần phát triển năng lực và phẩm chất người học không phải là cái gì mới so với chương trình hiện hành. Có lẽ chính vì thế mà Đề án đổi mới không chủ trương dành một thời gian riêng, 3-4 năm như lúc bắt đầu xây dựng chương trình hiện hành để dạy thử nghiệm chương trình, sách giáo khoa mới. Như vậy, có thể thấy 6 chữ “phát triển năng lực, phẩm chất” tự nó không thể tạo ra sự đổi mới căn bản, toàn diện trong giáo dục phổ thông. Để chương trình, sách giáo khoa mới tạo ra một chất lượng giáo dục mới, trước hết, chương trình và sách giáo khoa phải hiện thực hóa được tư tưởng “phát triển năng lực, phẩm chất” của người học. Bên cạnh đó, cần phải có rất nhiều yếu tố khác kèm theo, đặc biệt là việc đào tạo đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cấp cơ sở vật chất của các trường. Còn nếu chỉ trông vào mỗi việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa thì cũng không thể nâng cao được chất lượng giáo dục phổ thông hiện nay.

Nòng cốt để đổi mới giáo dục phổ thông chính là đổi mới chương trình, sách giáo khoa, trong đó bao gồm cả đổi mới phương pháp giảng dạy, việc đánh giá, thi cử. Bộ Giáo dục hiện coi đổi mới thi cử là khâu đột phá, trong khi chuẩn bị chưa căn bản thì đổi mới thi cử có thể tạm coi là đổi mới về khâu hình thức, còn đổi mới về mặt nội dung phải là đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy. Vì vậy, đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa sẽ phải được triển khai một cách hiệu quả để bảo đảm mục tiêu đổi mới.

TTBD ĐBDC

